



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 17

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

31/01/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 288/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 12)	3
31/01/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 296/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	8

UBND TỈNH

05/02/2024	Quyết định của HĐND tỉnh số 47/QĐ-TTHĐND ban hành danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 6	10
01/02/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 197/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024.	13
16/02/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 206/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2024	20

06/02/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 244/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027” trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024.	56
07/02/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 315/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040	67
08/02/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 331/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La	82
17/02/2024	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 03/CT-UBND về việc đôn đốc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024.	84

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 288/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 12)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ MƯỜI BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Nghị
định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14;*

*Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của
HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 278/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư
công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 11),*

*Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 27 ngày 01 tháng 2024, Báo cáo số
52/BC-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
694/BC-KTNS ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 12), như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 345.469 triệu đồng. Trong đó:
 - Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 245.469 triệu đồng.
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 100.000 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

Phân bổ chi tiết 245.469 triệu đồng cho 02 dự án đang triển khai cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 và khởi công mới 05 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Phân bổ chi tiết 100.000 triệu đồng thực hiện khởi công mới 03 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(có Biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ mười bảy thông qua ngày 31 tháng 01 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 31/01/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh		
			Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
	Tổng số		968.312	968.312	349.843	170.000	245.469	
I	GIAO THÔNG		645.374	645.374	179.843	0	112.531	
1	Đường nội thị thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	199 ngày 09/02/2023	198.979	198.979	179.843		19.136	
2	Dự án xây dựng tuyến giao thông số 4 khu vực Quảng trường Tây Bắc, thành phố Sơn La	160 ngày 29/01/2024	13.395	13.395			13.395	
3	Dự án hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu Trắng đến tuyến 1A)	283 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	343.000	343.000			50.000	
4	Dự án tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (Km 2 + 327 m - Km 7 + 527 m) và đoạn tuyến nhánh vào khu Phiêng Bó Tòng, xã Chiềng Ngần	286 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	90.000	90.000			30.000	
II	AN NINH TRẬT TỰ XÃ HỘI		268.065	268.065	170.000	170.000	98.065	
1	Đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc công an các huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La	2800 ngày 15/11/2021; 2417 ngày 18/11/2022	268.065	268.065	170.000	170.000	98.065	
III	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		14.873	14.873	0	0	14.873	

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số <i>(tất cả các nguồn vốn)</i>	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		
			Tổng số <i>(tất cả các nguồn vốn)</i>	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
1	Dự án Nhà bán trú trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Nà Khoang, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	176 ngày 30/01/2024	14.873	14.873			14.873	
IV	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		40.000	40.000	0	0	20.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Báo Sơn La	284 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	40.000	40.000			20.000	

Biểu số 02
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 31/01/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh		
	Tổng số		473.000	473.000	100.000	
I	GIAO THÔNG		433.000	433.000	80.000	
1	Dự án hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu Trắng đến tuyến 1A)	283 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	343.000	343.000	50.000	
2	Dự án tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (Km 2 + 327 m - Km 7 + 527 m) và đoạn tuyến nhánh vào khu Phiêng Bó Tòng, xã Chiềng Ngần	286 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	90.000	90.000	30.000	
II	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		40.000	40.000	20.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Báo Sơn La	284 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	40.000	40.000	20.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 296/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục kèm theo
Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách
nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ MƯỜI BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử
dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính
phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính
phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.*

*Xét Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 02 ngày 01 tháng 2024, Báo cáo số
52/BC-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
694/BC-KTNS ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Sửa đổi tên khoản 1, mục H lĩnh vực sự nghiệp khác thành: “*Dịch vụ quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp*”.

2. Bổ sung điểm 1.4 vào khoản 1, mục H:

“1.4. Dịch vụ quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông, cây xanh, chiếu sáng, vệ sinh công cộng khu công nghiệp”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ mười bảy thông qua ngày 31 tháng 01 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài chính; Tư pháp;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HĐND TỈNH SƠN LA
THƯỜNG TRỰC HĐND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/QĐ-TTHĐND

Sơn La, ngày 05 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định
chi tiết các nội dung được giao trong các Luật, Nghị quyết
được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 6**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHÓA XV, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình 17/TTr-UBND ngày 27 tháng 01
năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết
các nội dung được luật giao (có danh mục kèm theo).

Điều 2. UBND tỉnh có trách nhiệm giao cơ quan chủ trì soạn thảo, các cơ
quan có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy
định chi tiết các nội dung được luật giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo,
thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này.

Điều 3. Các ban HĐND tỉnh; UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, ...

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC
Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao
trong các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 6
(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-TTHĐND ngày 05/02/2024 của Thường trực HĐND tỉnh)

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các điều, khoản, điểm giao chi tiết)	CQ trình	CQ chủ trì soạn thảo	CQ phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	01/7/2024	01	Khoản 3 Điều 14: “Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, HĐND cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý”.	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II năm 2024	
		02	Khoản 1 Điều 23: “Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do HĐND cấp tỉnh quyết định”.	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II năm 2024	
		03	Điểm b khoản 2 Điều 23: “Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II năm 2024	

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các điều, khoản, điểm giao chi tiết)	CQ trình	CQ chủ trì soạn thảo	CQ phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
			<i>hưởng mức tiền bồi dưỡng do HĐND cấp tỉnh quyết định”</i> .					
		04	Điểm c khoản 2 Điều 23: “Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm do HĐND cấp tỉnh quyết định” .	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II năm 2024	
		05	Khoản 2 Điều 26: “UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 26 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương” .	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II năm 2024	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 197/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành kế hoạch kiểm soát
thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024. Thời gian thực hiện từ ngày 10 tháng 02 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch này, theo chức năng nhiệm vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2024 của đơn vị, địa phương mình, gửi về Văn phòng UBND tỉnh trước **ngày 15 tháng 02 năm 2024** để tổng hợp, báo cáo Văn phòng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị việc thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Ngân sách tỉnh bảo đảm cho việc thực hiện Kế hoạch này theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định pháp luật. Sở

Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn lập, thanh quyết toán kinh phí phục vụ cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định hiện hành. UBND cấp huyện có trách nhiệm bố trí, đảm bảo kinh phí cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính cấp mình.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Sơn La;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

KẾ HOẠCH

Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
I	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN				
1	Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 01/2024	Quyết định
2	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 (gồm kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	- Kế hoạch kiểm tra tháng 03/2024; - Quyết định kiểm tra đột xuất theo đề xuất của Văn phòng UBND tỉnh	- Kế hoạch kiểm tra; - Quyết định kiểm tra tra đột xuất (nếu có)
3	Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	Văn bản
II	KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TTHC, CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC VÀ CẬP NHẬT TTHC TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA				
4	Xây dựng dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC, hoặc Quyết định công bố TTHC (trong trường hợp được Luật giao), phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành;	- Văn phòng UBND tỉnh - UBND các huyện, thành phố; - UBND cấp xã.	Thường xuyên	Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC hoặc công bố TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC
5	Kiểm soát chất lượng hồ sơ trình công bố danh mục TTHC, hoặc Quyết định công	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành.	Thường xuyên	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
I	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN				
	bổ TTHC (trong trường hợp được Luật giao), phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh				
6	Nhập, đăng tải công khai, tích hợp, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có TTHC	Thường xuyên	Công khai TTHC trên CSDLQG về TTHC: (https://csdl.dichvucong.gov.vn)
7	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	- Các sở, ban, ngành; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công; - UBND cấp huyện; - UBND cấp xã; - Cơ quan, tổ chức được nhà nước ủy quyền thực hiện dịch vụ công	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Đảm bảo các hình thức công khai đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, dễ tiếp cận theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ
8	Công bố Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có TTHC	Hàng tháng	Căn cứ kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). Tại mục “Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương”.
9	Đánh giá Chỉ tiêu cụ thể về cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện,	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Quý I, II, III, năm 2024	Đánh giá trong Báo cáo công tác Kiểm soát TTHC định kỳ quý năm hoặc đột xuất

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
I	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn theo Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh				
III	THỰC HIỆN RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
10	Tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 15/9/2024	Xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát và đề xuất Phương án đơn giản hóa TTHC (nếu có) trình UBND tỉnh phê duyệt.
11	Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Trong Quý I	Quyết định phê duyệt đơn giản hóa TTHC nội bộ
IV	THAM GIA Ý KIẾN VỀ QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
12	Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành (<i>cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản</i>) Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Văn bản tham gia ý kiến
13	Tổ chức họp chuyên đề tham vấn ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL quy định về TTHC	Văn phòng UBND tỉnh các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan	Tổ chức Hội nghị tham án khi có yêu cầu	Hội nghị chuyên đề
V	TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH				
14	Công khai niên yết số điện thoại, thư điện tử cơ quan tiếp nhận phản ánh kiến nghị (địa chỉ: Phòng KSTTHC Văn phòng UBND tỉnh Sơn La; Số điện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công; - Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện,	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Niên yết tại bộ phận Một cửa, trụ sở cơ quan tiếp nhận và giải quyết công việc

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
I	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN thoại: 022 3752430; email: kstthc.2011@gmail.com)	thành phố; - UBND xã, phường, thị trấn; - Các đơn vị khác có giải quyết TTHC			
15	Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thành phố; - UBND xã, phường, thị trấn.	Năm 2024	Xử lý hoặc chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, theo dõi, xử lý
16	Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: https:// pakn.dichvucong.gov.vn/	Văn phòng UBND tỉnh	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thành phố; - UBND xã, phường, thị trấn.	Năm 2024 <i>(Khi có PAKN phát sinh)</i>	Xử lý hoặc chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, theo dõi, xử lý
VI	THỰC HIỆN TRUYỀN THÔNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC				
17	Tổ chức thực hiện công tác truyền thông về thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	- Sở Thông tin và Truyền thông; - Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Báo Sơn La; Thông tấn xã VN tại Sơn La; - Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thành phố; - UBND xã, phường, thị trấn; - Các tổ chức Đoàn thể của tỉnh.	Thường xuyên	Tin, bài, ảnh, phóng sự và các sản phẩm truyền thông khác
VII	TẬP HUẤN, KIẾN TOÀN CÔNG CHỨC LÀM ĐẦU MỐI KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
I	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN				
18	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho công chức đầu mối làm công tác kiểm soát TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn	Năm 2024 (khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ)	Kế hoạch, bài giảng, báo cáo kết quả
19	Kiểm toàn công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC của các sở, ngành cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành của tỉnh;	Khi có thay đổi nhân sự	Quyết định
VIII	CÔNG TÁC THÔNG TIN BÁO CÁO				
20	- Báo cáo về tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính quý, năm theo quy định hoặc theo yêu cầu của cấp trên. - Báo cáo công tác cải cách thủ tục hành chính hàng tháng.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn	Theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ	Báo cáo
21	Báo cáo công tác cải cách TTHC theo yêu cầu của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trước ngày 22 hàng tháng	Báo cáo công tác cải cách TTHC hàng tháng của UBND tỉnh
IX	HỌC TẬP KINH NGHIỆM				
22	Tham quan, học tập kinh nghiệm tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tốt công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024	Báo cáo kết quả

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 05/TTr-STTTT ngày 23 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ban hành kế hoạch cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo tình hình thực hiện Kế hoạch với UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (Báo cáo);
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX,Vi Hải.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

2. Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

3. Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

4. Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

5. Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

6. Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sơn La phiên bản 2.0; Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về cập nhật, bổ sung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sơn La phiên bản 2.0.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tập trung huy động nguồn lực đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh một cách toàn diện: phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó tập trung vào phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; số hóa dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành; đào tạo phát triển nguồn nhân lực số; ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số đảm bảo khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong hoạt động quản lý nhà nước, từng bước xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số trong quản trị điều hành doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh, quản lý hoạt động kinh tế; cung cấp thông tin cho người dân, quản lý dân cư, phục vụ người dân và doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

- Xác định rõ và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, coi đây nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp quan trọng để triển khai thực hiện nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị là một trong tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của năm.

2. Chỉ tiêu cụ thể

(chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nhận thức số

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp tăng cường, thường xuyên tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chủ trương của Đảng và Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số.

- Việc tuyên truyền về chuyển đổi số cần linh hoạt, sáng tạo, đổi mới bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau, nội dung cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực với người dân, doanh nghiệp. Thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ chuyển đổi số cộng đồng;

- Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo, qua đó thường xuyên chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

2. Thể chế số

- Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của tỉnh một cách toàn diện (*hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số..*).

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số của tỉnh bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Sơ kết đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Hạ tầng số

- Xây dựng và triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh. Tập trung huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, các nguồn vốn để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phần đầu thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 76 thuê bao/100 dân; Tỷ lệ bản được phủ sóng di động băng rộng đạt 97,8%; Tốc độ băng rộng di động (*tốc độ tải xuống theo i-Speed*) đạt 36Mbps; Tỷ lệ bản được phủ băng rộng cố định (*cáp quang FTTH*) đạt 58%; Tốc độ băng rộng cố định (*tốc độ tải xuống theo i-Speed*) đạt 89Mbps.

- Tập trung triển khai sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích và nguồn lực xã hội hoá hỗ trợ cho người dân trên địa bàn tỉnh để phần đầu mỗi hộ dân có một điện thoại thông minh.

- Thực hiện rà soát, xoá các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; rà soát, có kế hoạch phát triển mạng băng rộng cố định đến các bản chưa kết nối cáp quang.

- Triển khai Trung tâm tích hợp dữ liệu tập trung để hình thành kho dữ liệu số tỉnh Sơn La.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động; thiết lập hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, xây dựng bảng thông tin, cụm thông tin điện tử điện tử phục vụ tuyên truyền thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

4. Dữ liệu số

- Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dữ liệu dùng chung, chuyên ngành; xây dựng kho dữ liệu dùng chung trong toàn tỉnh.

- Duy trì và phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La tại địa chỉ <https://data.sonla.gov.vn>; các sở, ban, ngành tập trung cập nhật đầy đủ dữ liệu mở của ngành theo quy định tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025 (*Có Phụ lục II về danh mục dữ liệu mở của các sở, ngành phải cập nhật kèm theo*) và các dữ liệu chưa nằm trong Quyết định số 1726/QĐ-UBND nhưng đủ điều kiện cung cấp thành dữ liệu mở của ngành, địa phương.

- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ quản lý, chỉ đạo của ngành mình, đồng thời tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Triển khai cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sơn La.

- Thực hiện cập nhật, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai trên địa bàn tỉnh Sơn La; hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

5. Nền tảng số

- Ưu tiên duy trì, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của nền tảng số dùng chung của tỉnh bao gồm:

(i) Duy trì nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; rà soát, chuẩn hóa phân kết nối các hệ thống thông tin dùng chung và chuyên ngành để kết nối qua trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

(ii) Từng bước nâng cấp, mở rộng nền tảng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Sơn La để tích hợp các nền tảng số, hệ thống thông tin của tỉnh (*Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)...*).

(iii) Thực hiện cập nhật và khai thác hiệu quả theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương các nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia triển khai trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, Nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCS).

(iv) Duy trì triển khai đồng bộ các nền tảng số và hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời phát triển, cập nhật các chức năng, tính năng kỹ thuật theo yêu cầu của Chính phủ bảo đảm yêu cầu hiện đại hóa, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06/CP.

- Triển khai xây dựng tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào các ứng dụng dùng chung của tỉnh Sơn La như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống phần mềm quản lý văn bản để nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Triển khai xây dựng, thử nghiệm Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Sử dụng hiệu quả, thực hiện kết nối với các nền tảng số quy mô quốc gia như tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia, định danh và xác thực điện tử quốc gia, thanh toán điện tử; giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng; các nền tảng chuyên ngành ...

6. Nhân lực số

- Xây dựng quy hoạch, chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực số. Hợp tác với các trường đại học, cao đẳng để đào tạo nhân lực số trong dài hạn, đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, thông qua hình thức trực tuyến để bồi dưỡng thêm kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức phổ biến, đào tạo, tập huấn, tuyên truyền kiến thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, công chức, viên chức, người lao động trong tác cơ quan nhà nước về chuyển đổi số.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin, phổ biến các văn bản quản lý nhà nước về chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi số; hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

7. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin theo Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025.

- Thực hiện rà soát các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh để thực hiện phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Duy trì và mở rộng Hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung cho trên 5.000 máy trạm của cán bộ, công chức, viên chức ở các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp, các xã, phường, thị trấn.

- Duy trì Hệ thống Giám sát an ninh mạng, quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì thực hiện rà quét, giám sát các Trang Thông tin điện tử, mạng Internet và mạng xã hội.

8. Chính quyền số

8.1. Phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Duy trì, triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình, đặc biệt tại cấp xã.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, rút ngắn thời gian tiếp nhận và giải quyết TTHC, đẩy mạnh triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Trang bị các trang thiết bị CNTT cần thiết cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại các xã, phường, thị trấn của tỉnh đáp ứng yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai các Hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành phù hợp với các điều kiện thực tế của tỉnh như: Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số; Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chéo thanh tra sử dụng cho các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố; Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT tỉnh Sơn La.

- Tăng cường cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng trên Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan hành chính nhà nước phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cấp các ứng dụng số của tỉnh theo chuẩn IPv6; chuyển đổi IPv6 cho Trung tâm dữ liệu tỉnh.

8.2. Phát triển các hệ thống phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các Hệ thống dùng chung của tỉnh như: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp từ tỉnh đến huyện, xã; Hệ thống truyền hình trực tuyến phiên tòa; Hệ thống Cổng Thông tin điện tử; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh;... đảm bảo các ứng dụng hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, liên tục, phục vụ hiệu quả cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Xây dựng, triển khai các Hệ thống: Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thông tin phục vụ hợp.

- Triển khai Hệ thống xác thực tập trung cho các Hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Sơn La.

8.3. Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính

- Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng 90%, 80%, 75%; để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định Điều 25 và khoản 3 Điều 27 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Duy trì, cập nhật triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính để làm cơ sở số hóa và tái sử dụng toàn bộ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

8.3. Triển khai Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh

- Khai thác, vận hành Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tập trung, thống nhất của tỉnh Sơn La, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh.

- Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các Hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành.

9. Kinh tế số

- Hỗ trợ, hướng dẫn triển khai phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng như: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động, Công nghiệp và Thương mại, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tập trung tổ chức triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 như: Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ tiếp cận tín dụng; hỗ trợ cung cấp giải pháp chuyển đổi số tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện: tư vấn giải pháp chuyển đổi số về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng tham gia các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng hoá, nông sản đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực: Quy hoạch đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, giao thông vận tải và logistics, công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, thông tin và truyền thông...

10. Xã hội số

- Hỗ trợ, hướng dẫn triển khai chương trình dạy và học theo mô hình trường, lớp học thông minh. Chú trọng tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và trang bị đủ thiết bị, phần mềm tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục thông minh; sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Phát triển nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng, hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến từng bản với sự tham gia của Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại địa phương; huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số và khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và người có công với cách mạng theo nhiều phương thức hiện đại, tiện lợi, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán hiện đại của nền kinh tế.

(chi tiết Các nhiệm vụ tại Phụ lục III kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến huyện trong việc thực hiện chuyển đổi số

- Nâng cao vai trò hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của cơ quan, đơn vị mình. Xác định đây là một nhiệm vụ chính trị của đơn vị, là tiêu chí trong việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cán bộ, công chức, nhất là đối với người đứng đầu.

2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số từ tỉnh đến huyện, xã, cơ quan, đơn vị

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ

quan, đơn vị mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số.

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

- Tăng cường tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, xã về chuyển đổi số, kỹ năng số và công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.

3. Giải pháp phát triển điện thoại thông minh

- Tuyên truyền về lộ trình tắt sóng 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông để người dân nắm rõ; chủ động chuyển đổi các thiết bị đầu cuối 2G sang các thiết bị di động thông minh 4G/5G phù hợp với lộ trình.

- Đề xuất nhu cầu sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích và huy động nguồn lực, kêu gọi sự quan tâm, ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm chung tay cùng cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc để thực hiện thành công chương trình phổ cập điện thoại thông minh.

- Tập trung ưu tiên đầu tư hỗ trợ phủ sóng di động băng rộng cho các bản chưa có sóng di động băng rộng trên cơ sở tận dụng hạ tầng sẵn có, đảm bảo tiết kiệm, tối ưu chi phí, tránh chồng chéo.

4. Giải pháp về vốn

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (*Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp*).

- Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển đổi số, các ứng dụng dùng chung của tỉnh theo dự toán đã được giao cho các cơ quan, đơn vị.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương, phù hợp chủ trương, định hướng của tỉnh.

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn, đơn vị viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc.

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

- Giao cơ quan thường trực về chuyển đổi số các cấp thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tại các cấp, các ngành; tổng hợp kết quả, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh, UBND tỉnh thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị của tỉnh để tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với các Tổ công tác của Ban Chỉ đạo và kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Đánh giá hiệu quả các nền tảng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

Căn cứ tình hình ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu thực hiện các nhiệm vụ của Tổ Kinh tế số theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 05-QĐ/BCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Sơn La.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu thực hiện các nhiệm vụ của Tổ Chính quyền số theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 05-QĐ/BCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Sơn La.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông (*lồng ghép trong các lớp tập huấn về cải cách hành chính*) tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố hoàn thiện vị trí việc làm, đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về công nghệ thông tin trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng hoặc bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số cho đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, hoàn thành trong tháng 02 năm 2024.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của các Tổ công tác của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; Thực hiện tự kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch.

- Chủ trì, chỉ đạo các nội dung phát triển chính quyền số tại cơ quan, đơn vị; tăng cường thực hiện quản lý, điều hành thông qua môi trường điện tử; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và các hoạt động giao dịch điện tử với người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với

các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

- Thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ..., để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích việc huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua việc đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước thuê dịch vụ, hình thức hợp tác công - tư, từ quỹ phát triển sự nghiệp...

- UBND các huyện, thành phố chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp huyện, cấp xã để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) các cơ quan, đơn vị báo cáo đánh giá, tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

6. Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024
(Theo Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Chỉ tiêu năm 2023	Thực hiện năm 2023	Chỉ tiêu năm 2024	Tổ chức thực hiện	
						Cơ quan chủ trì	Cơ quan tổng hợp, theo dõi, kiểm tra
I	Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động						
1	TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVCTT toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Công dịch vụ công tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia.	86%	100%	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
2	DVCTT được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó	100%	100%	100%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	0%	50%	72%	100%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Chỉ tiêu năm 2023	Thực hiện năm 2023	Chỉ tiêu năm 2024	Tổ chức thực hiện	
						Cơ quan chủ trì	Cơ quan tổng hợp, theo dõi, kiểm tra
4	Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được tạo lập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng (<i>trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	60%; 50%; 20%	70%; 60%; 25%	70%; 60%; 25%	90%, 80%, 75%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ
5	Tỷ lệ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung	10%	50%	50%	70%	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
6	Cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	20%	35%	35%	60%	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	10%	25%	25%	40%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thanh tra tỉnh

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Chỉ tiêu năm 2023	Thực hiện năm 2023	Chỉ tiêu năm 2024	Tổ chức thực hiện	
						Cơ quan chủ trì	Cơ quan tổng hợp, theo dõi, kiểm tra
8	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	Các cơ quan chưa có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	100%	Các sở, ban, ngành sử dụng Nền tảng IOC tỉnh	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	2,64%	80%	80,37%	100%	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ
10	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	2,64%	30%	30,42%	50%	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ
11	Đầu tư xây dựng thí điểm mô hình đô thị thông minh	Chưa phê duyệt đề án (thành phố Sơn La; huyện Mộc Châu)	-	Chưa phê duyệt đề án (thành phố Sơn La; huyện Mộc Châu)	Phê duyệt đề án	Thành phố Sơn La; huyện Mộc Châu	Sở Thông tin và Truyền thông
II Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế							
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Chưa xác định được trong	Chưa có hướng dẫn	Chưa xác định được	Căn cứ hướng dẫn xác định	UBND các huyện, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu		Thực hiện năm 2022	Chỉ tiêu năm 2023	Thực hiện năm 2023	Chỉ tiêu năm 2024	Tổ chức thực hiện	
							Cơ quan chủ trì	Cơ quan tổng hợp, theo dõi, kiểm tra
	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Các sở, ban , ngành						
III	Phát triển hạ tầng số, hình thành xã hội số, thu hẹp khoảng cách số							
1	Tỷ lệ phủ mạng băng rộng cố định (cáp quang)		Đạt 35,5% hộ gia đình, 100% xã	37,8%	Đạt 45,47% hộ gia đình, 100% xã	47%	UBND các huyện, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động tốc độ cao (4G/5G)		93,62%	96,5%	98,5%	99,56%	UBND các huyện, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh		-	-	92,62%	96,52%	UBND các huyện, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Tỷ lệ người trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên) có tài khoản thanh toán điện tử (tài khoản giao dịch tại ngân hàng)		Đạt 60,01%	70%	79,53%	80%	UBND các huyện, thành phố	Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Sơn La
5	Tỷ lệ người sử dụng Internet		44,9%	46,72%	46,8%	48,56%	UBND các huyện, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông

Phụ lục số 02
DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ CÁC ĐƠN VỊ CUNG CẤP NĂM 2024
(Theo Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh)

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
I	GIÁO DỤC	Sở Giáo dục và Đào tạo
1	Dữ liệu văn bằng, chứng chỉ	
2	Dữ liệu giáo viên từng cấp trên địa bàn	
3	Dữ liệu học sinh từng cấp trên địa bàn	
4	Dữ liệu các nhóm trẻ độc lập tư thực trên địa bàn	
5	Dữ liệu các trường mầm non trên địa bàn	
6	Dữ liệu các trường tiểu học trên địa bàn	
7	Dữ liệu các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn	
8	Dữ liệu các trường trung học cơ sở trên địa bàn	
9	Dữ liệu các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn	
10	Dữ liệu các trường trung học phổ thông trên địa bàn	
11	Dữ liệu các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn	
12	Dữ liệu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn	
13	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo tin học trên địa bàn	
14	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn	
II	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Sở Thông tin và Truyền thông

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
15	Dữ liệu thuê bao điện thoại di động	
16	Dữ liệu thuê bao điện thoại cố định	
17	Dữ liệu thuê bao băng rộng cố định	
18	Dữ liệu thuê bao băng rộng di động mặt đất	
19	Dữ liệu cơ quan báo chí trung ương và địa phương	
20	Dữ liệu danh sách các cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
21	Dữ liệu cơ sở hạ tầng điểm phục vụ bưu chính	
22	Dữ liệu vị trí các cột an-ten lắp đặt trạm BTS	
23	Dữ liệu cơ sở hạ tầng điểm phục vụ viễn thông	
III	GIAO THÔNG VẬN TẢI	Sở Giao thông vận tải
24	Dữ liệu mạng lưới tuyến, biểu đồ chạy xe trên tuyến, giá vé xe buýt trên địa bàn	
25	Dữ liệu các luồng, tuyến có định hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	
26	Dữ liệu thông tin trên đường Quốc lộ, đường liên tỉnh	
27	Dữ liệu các điểm đỗ xe công cộng trên địa bàn	
28	Dữ liệu các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe	
29	Dữ liệu vị trí các công trình báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu	
30	Dữ liệu bến xe khách và giá dịch vụ ra vào bến	
31	Dữ liệu về cấp mới giấy phép lái xe trên địa bàn	
32	Dữ liệu về giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
33	Dữ liệu về danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn	
34	Dữ liệu danh sách các hãng taxi trên địa bàn	
35	Dữ liệu danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải	
36	Dữ liệu các cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Sở Khoa học và Công nghệ
37	Thông tin nhiệm vụ KH&CN tỉnh Sơn La	
38	Thông tin Doanh nghiệp KH&CN	
39	Thông tin Tổ chức Khoa học và Công nghệ	
V	KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Sở Kế hoạch và Đầu tư
40	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp, danh sách doanh nghiệp đăng ký mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại	
41	Dữ liệu các liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn	
VI	LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
42	Dữ liệu về Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh	
43	Dữ liệu về tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị	
44	Dữ liệu về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có khả năng lao động chia theo các thành phần kinh tế	
45	Dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn	
46	Dữ liệu về số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện	
47	Dữ liệu về cơ sở trợ giúp xã hội	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
48	Dữ liệu về cơ sở xã hội điều dưỡng người có công với cách mạng	
VII	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	Sở Tài nguyên và Môi trường
49	Dữ liệu VILG	
50	Dữ liệu đất đai	
VIII	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
51	Công bố thông báo tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm, nông, lâm, thủy sản	
52	Dữ liệu hoạt động trồng trọt trên địa bàn.	
53	Dữ liệu mã số vùng trồng.	
54	Dữ liệu mã số cơ sở đóng gói.	
55	Dữ liệu cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.	
56	Dữ liệu cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	
57	Dữ liệu các cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	
58	Dữ liệu các cơ sở sản xuất giống vật nuôi.	
59	Dữ liệu các cơ sở chăn nuôi.	
60	Dữ liệu các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	
61	Dữ liệu các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.	
62	Dữ liệu danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh.	
63	Dữ liệu về cơ sở sản xuất giống thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận.	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
64	Dữ liệu rừng phòng hộ trên địa bàn.	
65	Dữ liệu rừng đặc dụng trên địa bàn.	
66	Dữ liệu rừng sản xuất trên địa bàn.	
67	Dữ liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.	
68	Dữ liệu các xã đạt chuẩn nông thôn mới.	
69	Dữ liệu các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.	
70	Dữ liệu các sản phẩm OCOP.	
71	Dữ liệu tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.	
72	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo Quy chuẩn".	
IX	TÀI CHÍNH	Sở Tài chính
73	Cân đối ngân sách địa phương	
74	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện	
75	Dự toán thu ngân sách nhà nước	
76	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi	
77	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực	
78	Cân đối ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	
79	Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước (quý, 06 tháng, năm)	
80	Ước thực hiện chi ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	
81	Cân đối ngân sách địa phương	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
82	Quyết toán thu ngân sách nhà nước	
83	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi	
X	VĂN HÓA THỂ THAO DU LỊCH	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
84	Dữ liệu các địa điểm du lịch tự nhiên về cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn	
85	Dữ liệu các địa điểm du lịch lịch sử - văn hóa trên địa bàn	
86	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, giải trí trên địa bàn	
87	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn	
88	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	
89	Dữ liệu các điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch	
90	Dữ liệu các công ty lữ hành du lịch được cấp phép	
91	Dữ liệu danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	
92	Dữ liệu các di tích lịch sử - văn hóa	
93	Dữ liệu các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
94	Dữ liệu các bảo tàng thuộc phân cấp quản lý	
95	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	
96	Dữ liệu về thành tích thi đấu thể thao	
97	Dữ liệu các thư viện trên địa bàn	
98	Dữ liệu Tài nguyên du lịch	
99	Dữ liệu các điểm đến du lịch	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
100	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, nhà hàng trên địa bàn	
101	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn	
102	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	
103	Dữ liệu về Hướng dẫn viên du lịch	
104	Dữ liệu địa điểm sân Golf trên địa bàn	
XI	XÂY DỰNG	Sở Xây dựng
105	Dữ liệu giá vật liệu xây dựng trên địa bàn	
106	Dữ liệu đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh	
107	Dữ liệu các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, khu đô thị đang triển khai thực hiện trên địa bàn	
108	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	
109	Dữ liệu về việc cấp phép xây dựng trên địa bàn	
110	Dữ liệu chỉ số xây dựng trên địa bàn	
111	Dữ liệu giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn	
112	Dữ liệu đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn	
XII	Y TẾ	Sở Y tế
113	Dữ liệu danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của địa phương	
114	Dữ liệu danh sách các cơ sở được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP), chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ Y tế	
115	Dữ liệu các cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
116	Dữ liệu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và số giường bệnh của từng cơ sở trên địa bàn	Sở Tư pháp
117	Dữ liệu cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	
XIII	TƯ PHÁP	
118	Dữ liệu về thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá	Sở Công thương
119	Dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	
120	Dữ liệu danh sách công chứng viên trên địa bàn tỉnh	
121	Dữ liệu danh sách trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký HĐ với Trung tâm TGPL	
122	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề luật sư	
123	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Thanh tra tỉnh
XIV	CÔNG THƯƠNG	
124	Dữ liệu về các chợ trên địa bàn	
125	Dữ liệu về các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn	
126	Dữ liệu các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Thanh tra tỉnh
XV	THANH TRA	
127	Dữ liệu Kế hoạch công tác thanh tra hằng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	
128	Dữ liệu Quyết định cấp Thẻ thanh tra của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	
129	Dữ liệu Mã số Thẻ thanh tra thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	
130	Dữ liệu thủ tục, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh	

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CUNG CẤP DỮ LIỆU LIÊN QUAN
131	Dữ liệu Quyết định thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	
132	Dữ liệu Quyết định giám sát Đoàn Thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	
133	Dữ liệu Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	
134	Dữ liệu Quyết định thu hồi sai phạm thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	
135	Dữ liệu Thông báo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	

*** Lưu ý:** Đối với các dữ liệu chưa nằm trong danh mục của Quyết định 1726/QĐ-UBND nhưng đủ điều kiện cung cấp thành dữ liệu mở phục vụ nhu cầu khai thác dữ liệu của các cá nhân, tổ chức, thì các sở, ngành, huyện thực hiện đăng ký tài khoản để cung cấp, đăng tải dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La và xác định sự phân loại đối với dữ liệu, phân đầu đến hết năm 2024, mỗi cơ quan, đơn vị cung cấp và duy trì ít nhất một bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La./.

Phụ lục số 03

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2024)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Nhận thức số			
1	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Tháng 10/2024
2	Tổ chức Cuộc thi Chuyển đổi số năm 2024	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Tháng 7, 8/2024
3	Xây dựng, phát hành tờ rơi, ấn phẩm tuyên truyền về Chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2024
4	Xây dựng tin bài/phóng sự tuyên truyền về thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Đại Phát thanh - Truyền hình, Báo Sơn La, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, đơn vị có liên quan	Năm 2024
II	Thể chế số			
1	Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
2	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số của tỉnh bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Kiến toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2024
III	Hạ tầng số			
1	Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp Viễn thông	Quý II/2024
2	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng, phủ sóng 4G/5G; Triển khai các nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử	Viettel Sơn La, VNPT Sơn La, Mobifone Sơn La	UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
3	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu, hình thành kho dữ liệu số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4	Duy trì Nền tảng trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		Năm 2024
5	Đầu tư, thiết lập Hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin; các cụm thông tin điện tử phục vụ tuyên truyền	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị liên quan	Năm 2024
7	Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
IV	Dữ liệu số			
1	Tiếp tục duy trì, khai thác, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin, nền tảng số quy mô quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, bao gồm: Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an); CSDL quốc gia về Đảng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam); CSDL đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Nội vụ); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về giá (Bộ Tài chính); CSDL đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Công liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hệ thống dịch vụ công quản lý giao thông vận tải lĩnh vực đường bộ (Bộ Giao thông vận tải); Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Hệ thống dịch vụ hành chính công (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)	Các sở, ban, ngành chủ trì quản lý dữ liệu, UBND huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Duy trì Cổng Dữ liệu mở tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
3	Xây dựng các CSDL chuyên ngành của tỉnh			
3.1	Cơ sở dữ liệu Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.2	Cơ sở dữ liệu Thông tin Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.3	Cơ sở dữ liệu Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.4	Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và môi trường	Tài nguyên và môi trường	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.5	Cơ sở dữ liệu Công thương	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.6	Cơ sở dữ liệu Cán bộ công chức viên chức	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.7	Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3.8	Cơ sở dữ liệu Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
4	Triển khai thử nghiệm trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2024
V	Nhân lực số			
1	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
VI	An toàn thông tin mạng			
1	Duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
2	Duy trì và mở rộng hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung (trên 5.000 máy trạm ở các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, các đơn vị sự nghiệp).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
3	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về các nguy cơ mất an toàn thông tin và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố	Hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã	Năm 2024
VII	Chính quyền số			
1	Triển khai đồng bộ các nền tảng số và hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
2	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, đặc biệt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Năm 2024
3	Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành			
3.1	Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.2	Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chèo thanh tra	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
3.3	Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT tỉnh Sơn La	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
3.4	Phần mềm chấm điểm chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên toàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4	Các Hệ thống thông tin dùng chung			
4.1	Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp từ tỉnh đến huyện, xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4.2	Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4.3	Hệ thống Cổng thông tin điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4.4	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4.5	Hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4.6	Hệ thống thông tin phục vụ họp	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
5	Nâng cấp các ứng dụng theo chuẩn IPv6; chuyển đổi IPv6 cho Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Duy trì Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
7	Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh của ngành Giáo dục và Đào tạo kết nối với Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan	Năm 2024
VIII	Kinh tế số			
1	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị liên quan	Năm 2024
2	Thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
3	Thực hiện các giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
4	Triển khai nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2024
XIX	Xã hội số			
1	Duy trì hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024
2	Triển khai mô hình trường, lớp học thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Năm 2024
4	Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Năm 2024
5	Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân sử dụng Internet và các dịch vụ số; hướng dẫn các kỹ năng an toàn khi tham gia không gian số	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024
6	Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La	UBND các huyện, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các ngân hàng	Năm 2024
X	Công tác kiểm tra, giám sát			
1	Kiểm tra tình hình thực hiện Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II, III/2024
2	Tự kiểm tra việc thực hiện Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II, III/2024
3	Kiểm tra, giám sát việc ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý III/2024

Phụ lục IV

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN HỘ DÂN CÓ ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2024)

STT	Địa phương	Tổng số hộ trên địa bàn (tính đến tháng 12/2023)	Số hộ có điện thoại thông minh		Số hộ chưa có điện thoại thông minh			Số hộ cần phổ cập điện thoại thông minh		Chỉ tiêu phấn đấu đến hết năm 2024			Ghi chú
			Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ không có nhu cầu sử dụng điện thoại thông minh	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ có điện thoại thông minh tăng thêm trong năm	Tỷ lệ hộ có điện thoại thông minh/ Tổng số hộ		
1	Thành phố Sơn La	26.575	26.042	97.99%	533	2.01%	157	0.59%	376	1.41%	376	99.41%	
2	Huyện Thuận Châu	44.458	43.558	97.98%	900	2.02%	114	0.26%	786	1.77%	400	98.88%	
3	Huyện Mai Sơn	39.050	38.363	98.24%	687	1.76%	172	0.44%	515	1.32%	300	99.01%	
4	Huyện Yên Châu	19.244	18.290	95.04%	954	4.96%	283	1.47%	671	3.49%	350	96.86%	
5	Huyện Mộc Châu	27.934	26.786	95.89%	1148	4.11%	1050	3.76%	98	0.35%	98	96.24%	
6	Huyện Vân Hồ	15.270	14.919	97.70%	351	2.30%	111	0.73%	240	1.57%	120	98.49%	
7	Huyện Mường La	22.559	21.961	97.35%	598	2.65%	61	0.27%	537	2.38%	350	98.90%	
8	Huyện Quỳnh Nhai	14.697	14.436	98.22%	261	1.78%	141	0.96%	120	0.82%	120	99.04%	
9	Huyện Bắc Yên	14.659	14.493	98.87%	166	1.13%	31	0.21%	135	0.92%	100	99.55%	
10	Huyện Phù Yên	28.625	27.991	97.79%	634	2.21%	25	0.09%	609	2.13%	300	98.83%	
11	Huyện Sông Mã	34.031	33.726	99.10%	305	0.90%	36	0.11%	269	0.79%	200	99.69%	
12	Huyện Sốp Cộp	11.849	11.403	96.24%	446	3.76%	21	0.18%	425	3.59%	300	98.77%	
Tổng cộng:		298.951	291.968	97.66%	6983	2.34%	2045	0.68%	4938	1.65%	3214	98.74%	

**UỶ BAN NHÂN
DÂN TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 244/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027” trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027”;

Căn cứ Quyết định số 8937/QĐ-BCA-V03 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027”;

Căn cứ Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027” trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 23/TTr-CAT-PTM ngày 22 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027” trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCTP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, ĐH.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân
chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân,
giai đoạn 2021 - 2027” trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024**
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân, giai đoạn 2021 - 2027” (sau đây viết gọn là Đề án) trong năm 2024, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các quan điểm, mục tiêu của Đề án, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Đề án.

b) Xác định rõ nội dung hoạt động, tiến độ thực hiện; phân công cụ thể trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; tiến độ thực hiện. Phát huy vai trò chủ động, tích cực của các chủ thể được giao nhiệm vụ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) thuộc phạm vi của Đề án; sự tham gia phối hợp thường xuyên, liên tục, chặt chẽ, thiết thực của các cơ quan, tổ chức, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tại địa bàn cơ sở.

c) Sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Hoạt động quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Đề án

a) Ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án năm 2024

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

- Thời gian thực hiện: trong tháng 02 năm 2024 đối với Kế hoạch; cả năm đối với văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố.
- Thời gian thực hiện: tháng 11 năm 2024.

2. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các quy định có liên quan đến công tác PBGDPL thuộc phạm vi của Đề án

Tổ chức rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác PBGDPL, vận động quần chúng nhân dân tại cơ sở để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản QPPL cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL, vận động quần chúng nói chung và việc triển khai thực hiện Đề án nói riêng.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

3. Đổi mới, đa dạng hóa các nội dung, hình thức phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng địa bàn, nhóm đối tượng, bảo đảm công tác PBGDPL đạt hiệu quả cao và đúng định hướng

a) Nội dung PBGDPL

Tập trung phổ biến, giáo dục các quy định về: (1) quyền và nghĩa vụ của công dân; (2) quy định của pháp luật về an ninh trật tự (ANTT), trong đó chú trọng tuyên truyền, PBGDPL về thi hành án hình sự; xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý cư trú; đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; tín ngưỡng, tôn giáo; đất đai; biên giới; quản lý xuất nhập cảnh; phòng, chống ma túy và tệ nạn xã hội; quy định liên quan đến tái hòa nhập cộng đồng...; (3) ý thức tôn trọng, bảo vệ pháp luật, lợi ích của việc chấp hành pháp luật, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật; (4) tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng và biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn; trách nhiệm của quần chúng nhân dân trong giúp đỡ, hỗ trợ và tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

b) Hình thức PBGDPL

Bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng thời điểm, địa bàn, lĩnh vực; chú trọng các hình thức tuyên truyền, PBGDPL trực tiếp, tư vấn pháp luật, các hình thức thông qua phương tiện thông tin đại chúng và ứng dụng công nghệ

thông tin, cấp phát tài liệu thiết yếu với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu. Một số hình thức cụ thể:

(1) tuyên truyền, PBGDPL trực tiếp (*hội nghị, diễn đàn, đối thoại trực tiếp...*), tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin tài liệu pháp luật; thường xuyên tổ chức đối thoại chính sách pháp luật, giải đáp pháp luật và các vướng mắc phổ biến trong áp dụng pháp luật về ANTT và những vấn đề có liên quan bằng hình thức phù hợp; giáo dục, tư vấn pháp luật cá biệt với những đối tượng yếu thế; phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, già làng, trưởng bản,... trong tư vấn, PBGDPL trực tiếp cho các đối tượng;

(2) thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (*báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí...*) xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chiến dịch truyền thông đưa tin, phát sóng vào các khung giờ thu hút khán, thính giả để tuyên truyền; xây dựng pano, áp phích, tranh cổ động; niêm yết thông tin tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, đơn vị, tổ chức, trường học, bệnh viện, khu dân cư, ...;

(3) xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực, đối tượng để cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội (*gửi tin nhắn qua điện thoại di động, zalo, facebook...*), Cổng/Trang thông tin điện tử, loa truyền thanh, bảng tin, màn hình khu dân cư...;

(4) thông qua hoạt động của Công an các đơn vị, địa phương như: hoạt động điều tra, xử lý tội phạm; xử lý vi phạm hành chính; tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm, giải quyết các thủ tục hành chính về trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hỗ trợ pháp lý, hòa giải ở cơ sở; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc...;

(5) lồng ghép trong các hình thức sinh hoạt cộng đồng ở khu dân cư, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở;

(6) thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các trường học tại địa bàn, các cơ sở giam giữ bằng hình thức phù hợp với đối tượng, trình độ, chương trình đào tạo, đặc điểm từng đối tượng;

(7) xây dựng, trang bị tủ sách pháp luật tại các thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố, khu dân cư... đặc biệt là những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống từ nguồn ngân sách nhà nước và đóng góp của cộng đồng;

(8) biên soạn, in, cấp phát tài liệu PBGDPL bằng các ngôn ngữ khác nhau, đặc biệt là tiếng dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn;

(9) các hình thức khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể để bảo đảm công tác PBGDPL đạt hiệu quả cao; chú trọng vai trò của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật Công an các cấp.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

4. Xây dựng, học tập và nhân rộng các mô hình điểm về PBGDPL cho các đối tượng của Đề án

a) Nghiên cứu, rà soát, đề xuất thí điểm áp dụng mô hình điểm tại các đơn vị, cơ sở, địa phương còn nhiều khó khăn, bất cập trong PBGDPL để tập trung tháo gỡ những tồn tại, hạn chế góp phần nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL trong tình hình mới

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm, mô hình PBGDPL có hiệu quả tại các đơn vị, địa phương, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng của Đề án

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh; UBND các huyện, thành phố.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

c) Đánh giá hiệu quả các mô hình và triển khai, nhân rộng những mô hình mang lại hiệu quả thiết thực. Tiếp tục củng cố, duy trì, thực hiện các mô hình đã và đang đạt hiệu quả cao trong thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở, khu dân cư, trường học, gia đình, dòng họ.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

5. Biên soạn các tài liệu pháp luật, tài liệu nghiệp vụ PBGDPL phục vụ cho công tác tuyên truyền, PBGDPL thuộc phạm vi của Đề án

a) Tổ chức biên soạn tài liệu dành cho các chủ thể thực hiện công tác PBGDPL thuộc phạm vi Đề án

Trên cơ sở quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và yêu cầu thực tế, tổ chức biên soạn và cấp phát tài liệu phục vụ tuyên truyền, PBGDPL đến từng xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức có liên quan với số lượng phù hợp yêu cầu thực tế.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Tổ chức biên soạn, in, cấp phát tài liệu, tờ rơi, tờ gấp pháp luật cho các đối tượng được PBGDPL của Đề án; chú trọng biên dịch tài liệu ra các ngôn ngữ khác nhau, nhất là các tiếng dân tộc thiểu số:

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác PBGDPL

a) Xây dựng, nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên trang, chuyên mục PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng với hình thức phong phú; tăng cường lồng ghép nội dung pháp luật trong các chương trình giải trí trên sóng phát thanh, truyền hình; chú trọng hoạt động tư vấn, giải đáp, đối thoại chính sách pháp luật và bố trí vào khung giờ thu hút đông đảo khán giả, thính giả; tổ chức các đợt cao điểm phổ biến, truyền thông về lĩnh vực pháp luật quan trọng, được xã hội quan tâm.

- Cơ quan thực hiện: Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Sơn La; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin, kỹ thuật số để nâng cao kiến thức pháp luật cho chủ thể, đối tượng của Đề án. Tập trung PBGDPL trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, mạng xã hội và các ứng dụng trên thiết bị di động; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, tập huấn trực tuyến. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác, tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin pháp luật trên môi trường mạng bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, an toàn.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

7. Xây dựng các tình huống, kịch bản triển khai công tác PBGDPL gắn với vận động quần chúng chấp hành pháp luật khi xảy ra tình huống phức tạp về an ninh, trật tự

Chủ động, kịp thời nắm bắt diễn biến, tình hình vụ việc; nghiên cứu, đánh giá bước đầu hậu quả, tác hại và thăm dò dư luận xã hội đối với vụ việc để có cơ sở xác định nội dung, mục đích, đối tượng, phạm vi tuyên truyền phù hợp. Cần sử dụng đa dạng các hình thức thông tin, tuyên truyền định hướng dư luận xã hội; truyền tải đến đông đảo quần chúng nhân dân trong và ngoài nước về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vụ việc, để nhân dân hiểu, tin tưởng, đồng thuận, ủng hộ cấp ủy, chính quyền các cấp và cơ quan chức năng trong quá trình làm sáng tỏ, kết luận, giải quyết vụ việc. Đồng thời tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch góp phần phòng ngừa, giải quyết vụ việc hiệu quả.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

8. Tổ chức lồng ghép các hoạt động của Đề án với các chương trình, đề án có liên quan đang thực hiện trên địa bàn để tránh trùng lặp, bảo đảm thống nhất, tiết kiệm nguồn lực thực hiện và đạt hiệu quả cao

Tập trung lồng ghép nội dung PBGDPL của Đề án với nội dung Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” (*phê duyệt tại Quyết định số 997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*), Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” (*phê duyệt tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*) trong lực lượng Công an nhân dân.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương được giao chủ trì thực hiện các chương trình, đề án.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL của Đề án

a) Thường xuyên rà soát đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở của lực lượng Công an tỉnh Sơn La để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại cơ sở, CBCS Công an được giao nhiệm vụ PBGDPL, Công an cấp xã.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

c) Tổ chức Hội thi báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi cho lực lượng Công an cơ sở làm nhiệm vụ tuyên truyền, PBGDPL để khuyến khích, động viên CBCS Công an tham gia PBGDPL, đồng thời tạo điều kiện để trao đổi, học tập kinh nghiệm về tuyên truyền, PBGDPL giữa Công an các đơn vị, địa phương:

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: theo kế hoạch, chỉ đạo của Bộ Công an.

10. Rà soát, tham mưu đề xuất, đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện Đề án và trang bị theo yêu cầu thực tế của cơ sở; hiện đại hóa cơ quan truyền thông Công an tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Công an tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

11. Khuyến khích, huy động sự tham gia của các đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong PBGDPL, gắn với công tác vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở

Chủ động, tích cực huy động, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể, cộng đồng dân cư, trường học, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động PBGDPL, gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở thông qua các chương trình phổ biến, tư vấn, hỗ trợ việc làm, cung cấp tài liệu, trang thiết bị phục vụ PBGDPL... theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện từng cơ sở, địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh; UBND các huyện, thành phố.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

b) Chỉ đạo các phòng chức năng Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố triển khai thực hiện các giải pháp tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

c) Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh: huy động đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số, người biết tiếng dân tộc thiểu số, hiểu biết về văn hóa, tập quán của người dân tộc thiểu số; phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, già làng, trưởng bản tham gia PBGDPL và tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật.

2. Sở Tư pháp

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của kế hoạch, lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch khác có liên quan; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Đề án tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Sở Tài chính

Căn cứ dự toán do Công an tỉnh lập, thực hiện thẩm định, thông báo, cấp phát kinh phí thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024 và các nguồn kinh phí được giao bổ sung trong năm theo quy định hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của ngành, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp huyện tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thông tin, báo chí đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về các nội dung của Đề án; tăng thời lượng thích hợp cho các chuyên trang, chuyên mục về PBGDPL tại cơ sở, nhất là thông tin, truyền thông pháp luật về an ninh, trật tự và công tác bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

c) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo cơ quan thông tin, truyền thông thuộc huyện, thành phố tăng cường thời lượng, lồng ghép, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, thường xuyên cho các đối tượng thuộc phạm vi Đề án.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục PBGDPL phục vụ việc triển khai thực

hiện Đề án, đặc biệt là các chương trình tư vấn, giải đáp, đối thoại chính sách pháp luật về ANTT và bố trí khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả; tích cực lồng ghép nội dung PBGDPL về ANTT trong các chương trình phù hợp; tổ chức các đợt cao điểm phổ biến, truyền thông về lĩnh vực pháp luật quan trọng đối với ANTT được xã hội quan tâm.

6. Các sở, ban, ngành: theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận: tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này trong phạm vi tổ chức mình, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác phổ biến, giáo dục và giám sát việc thực hiện công tác PBGDPL trong phạm vi Kế hoạch này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Trên cơ sở Kế hoạch này và điều kiện thực tế tại địa phương chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án tại địa phương.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã tăng cường PBGDPL cho quần chúng nhân dân trên địa bàn.

c) Vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, ủng hộ, cùng tham gia thực hiện Đề án tại địa phương.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này. Báo cáo kết quả thực hiện gửi về Công an tỉnh (*qua phòng Tham mưu*) **trước ngày 10 tháng 11 năm 2024** để tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh gửi cấp có thẩm quyền theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời gửi văn bản về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu, đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 315/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung
đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ Sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc cho phép lập quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040; Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040; Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 37/TTr-SXD ngày 06 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi lập Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu được thực hiện trong địa giới hành chính của huyện Mộc Châu. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp các huyện Phù Yên và Bắc Yên.
- Phía Nam giáp huyện Vân Hồ và huyện Sốp Bâu, tỉnh Hòa Phấn nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
- Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Vân Hồ.
- Phía Tây giáp huyện Yên Châu.

1.2. Quy mô lập quy hoạch

a) Quy mô diện tích lập quy hoạch: Toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Mộc Châu với quy mô 107.209,47ha (1.072,09 km²).

b) Quy mô dân số:

- Dự báo đến năm 2030 khoảng 185.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi), trong đó nội thị khoảng 108.000 người, dân số ngoại thị khoảng 77.000 người.
- Dự báo đến năm 2040 khoảng 275.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi), trong đó nội thị khoảng 187.000 người, dân số ngoại thị khoảng 88.000 người.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 nhằm phát huy các giá trị về cảnh quan tự nhiên, văn hóa dân tộc, bản sắc địa phương, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển huyện Mộc Châu trở thành thị xã vào năm 2025.

- Xây dựng quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040 nhằm xác định sự phát triển hợp lý của đô thị Mộc Châu, đặc biệt trong giai đoạn đến năm 2025 và định hướng những năm tiếp theo về các mặt: Tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị phù hợp với mục tiêu đạt tiêu chí đô thị loại IV và xây dựng huyện Mộc Châu trở thành thị xã vào năm 2025, giai đoạn đến năm 2030 phát triển theo

chiều sâu, hoàn thiện các tiêu chí còn yếu, còn thiếu của đô thị loại IV đồng thời duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt, phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại III giai đoạn 2030 - 2040.

- Phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, nhất là tiềm năng về du lịch, phát triển nông nghiệp và kinh tế thương mại cửa khẩu quốc tế.

- Làm cơ sở để triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn theo quy định; là công cụ pháp lý để chính quyền các cấp quản lý, kiểm soát hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

3. Tính chất

- Là đô thị xanh, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh; mang bản sắc văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và khí hậu đặc trưng cao nguyên; phát triển bền vững và toàn diện.

- Là đô thị du lịch mang tầm quốc gia; trung tâm phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh; trung tâm sản xuất, chế biến và chuyển giao nông nghiệp công nghệ cao theo hướng tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

- Là đô thị biên giới gắn với phát triển kinh tế thương mại cửa khẩu quốc tế; có vị trí đặc biệt về chiến lược, quan trọng về quốc phòng an ninh.

4. Định hướng phát triển không gian

4.1. Định hướng phát triển không gian tổng thể

Phát triển không gian đô thị Mộc Châu gắn với bảo tồn, phát huy giá trị sinh thái nông nghiệp, cảnh quan đặc trưng Mộc Châu (đồng cỏ, đồi chè, cảnh quan núi rừng, bản làng truyền thống); phát triển không gian nội thị trên cơ sở khu vực hai thị trấn hiện hữu và đô thị hóa, mở rộng ra khu vực lân cận gồm Phiêng Luông, Đông Sang, Mường Sang; phát triển khu vực ngoại thị gắn với các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ sinh thái và sản xuất nông lâm nghiệp chất lượng cao và phát triển kinh tế thương mại cửa khẩu quốc tế Lóng Sập. Các không gian phát triển cụ thể như sau:

- Phân vùng trung tâm (khu vực nội thị): Diện tích tự nhiên khoảng 15.872 ha. Là vùng đô thị hóa tập trung, vùng kinh tế động lực phát triển đô thị du lịch, thương mại dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao. Hoàn thiện cảnh quan môi trường đô thị theo hướng hiện đại, tạo dựng một không gian đô thị du lịch có bản sắc. Thiết lập vùng bảo vệ cảnh quan sinh thái nông nghiệp đặc trưng (đồi chè, đồng cỏ, vườn mơ, mận, đào) tại khu vực thị trấn Nông trường Mộc Châu.

- Vành đai nông nghiệp xung quanh khu vực nội thị (thuộc ngoại thị): Diện tích khoảng 49.299 ha; là vành đai phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển sản phẩm nông sản chủ lực theo chuỗi giá trị, phát triển thương mại - dịch vụ, gắn du lịch sinh thái. Phát triển 02 trung tâm tiểu vùng có các khu chức năng

hỗn hợp để phục vụ dân cư đô thị và phát triển dịch vụ, du lịch, làm tiền đề hình thành các tổ hợp dự án động lực trong tương lai. Thiết lập vùng bảo vệ cảnh quan không gian kiến trúc làng, bản truyền thống.

- Phân vùng núi cao biên giới (thuộc ngoại thị): Diện tích khoảng 24.862 ha. Phát triển kinh tế thương mại cửa khẩu quốc tế Lóng Sập gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp sinh thái, phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch mới, trải nghiệm, khám phá, chinh phục đỉnh cao. Quy hoạch các xã theo mô hình nông thôn mới, gắn với hình thành các trung tâm công cộng, dịch vụ hỗ trợ thương mại cửa khẩu và chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

- Phân vùng dọc sông Đà (thuộc ngoại thị): Diện tích khoảng 17.221 ha. Là vùng bảo vệ và phát huy giá trị sinh thái, đa dạng sinh học và cảnh quan khu rừng phòng hộ ven sông Đà, khu vực đồi núi cao; phát triển nông lâm thủy sản kết hợp du lịch lòng hồ và ven sông.

4.2. Định hướng ranh giới, phạm vi khu vực nội - ngoại thị

- Khu vực nội thị được xác lập trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị trấn Mộc Châu, toàn bộ dân số và phần lớn diện tích của thị trấn Nông trường Mộc Châu và các xã Phiêng Luông, Mường Sang, Đông Sang. Điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính trong khu vực nội thị để thành lập 08 phường.

- Điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính còn lại để thành lập 07 xã.

4.3. Tổ chức phát triển không gian các khu chức năng khu vực nội thị

Trên cơ sở các đặc trưng về cảnh quan, chức năng hoạt động của từng khu vực, định hướng phát triển không gian khu vực nội thị theo 06 phân khu như sau:

a) Phân khu số 1: Thuộc phạm vi thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu (thuộc phạm vi phường 1, 2, 3, 4, 8 dự kiến).

- Tính chất, chức năng: Trung tâm hành chính - văn hóa - thương mại, dịch vụ cấp thị xã; là khu dân dụng đô thị, trung tâm hiện hữu của thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu, trong đó có các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp đô thị, công trình y tế cấp tỉnh và đô thị.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 1.490 ha; đất xây dựng khoảng 1.426 ha; dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 61.100 người;

b) Phân khu số 2: Thuộc phạm vi diện tích đồi, núi của thị trấn Mộc Châu, thị trấn Nông trường Mộc Châu (thuộc phạm vi các phường 1, 2, 3, 4, 6 dự kiến).

- Tính chất, chức năng: Là khu vực đặc trưng tiêu biểu gắn với bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng của đô thị Mộc Châu (đồng cỏ, đồi chè, sườn núi cao); là khu du lịch nông trại có kiến trúc, cảnh quan và công nghệ thân thiện với môi trường, sinh thái gắn với nhà máy chế biến sữa hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế, hình thành điểm du lịch nông trại trải nghiệm hấp dẫn.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 2.867 ha; đất xây dựng khoảng 640 ha; dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 10.000 người;

c) Phân khu số 3: Thuộc phạm vi thị trấn Nông trường Mộc Châu, xã Phiêng Luông (thuộc phạm vi các phường 3,6 dự kiến).

- Tính chất, chức năng: Là các phân khu chức năng thuộc Trung tâm du lịch trọng điểm và vùng đệm của Khu du lịch quốc gia Mộc Châu; là khu trung tâm du lịch của khu vực và vùng Tây Bắc, lưu giữ và quảng bá các giá trị bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội của các dân tộc; là quần thể du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, đào tạo du lịch, gắn kết với các khu dân cư hiện hữu; là khu vực cửa ngõ của đô thị Mộc Châu, kết nối tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 2.609ha; đất xây dựng khoảng 1.711 ha; dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 53.800 người;

d) Phân khu số 4: Thuộc phạm vi thị trấn Nông trường Mộc Châu (phường 5 dự kiến).

- Tính chất, chức năng: Là khu dân dụng đô thị gắn với phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, nông nghiệp đô thị; với các trọng điểm phát triển du lịch tại khu vực Ngũ động Bản Ôn, đồi chè Ô Long Mộc Châu,...

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 3.607 ha; đất xây dựng khoảng 862 ha; dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 28.200 người;

d) Phân khu số 5: Thuộc phạm vi xã Đông Sang (phường 7 dự kiến).

- Tính chất, chức năng: Là khu dân dụng đô thị gắn với phát triển du lịch văn hóa, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sinh thái gắn với vùng đồi núi, công viên rừng sinh thái, du lịch.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 3.240 ha; đất xây dựng khoảng 715 ha; dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 14.400 người;

e) Phân khu số 6: Thuộc phạm vi xã Mường Sang (phường 8 dự kiến).

- Tính chất, chức năng: Là khu phức hợp dịch vụ, thương mại, du lịch, vui chơi giải trí, nông nghiệp sinh thái, khu ở và khu đầu mối kỹ thuật đô thị.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 2.014 ha; đất xây dựng khoảng 671 ha; dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 17.500 người;

4.4. Tổ chức phát triển không gian các khu chức năng khu vực ngoại thị

Khu vực ngoại thị định hướng phát triển xã nông thôn mới, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội gắn với việc hình thành 08 khu chức năng, cụ thể:

a) Về định hướng phát triển các xã nông thôn mới

- Xã mới Tân Hợp + Tân Lập: Xây dựng và phát triển trở thành Trung tâm hậu cần Logistics, thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với sân bay Mộc Châu và cảnh quan dọc sông Đà. Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 25.700 người.

- Xã mới Quy Hướng + Nà Muồng + Tà Lại: Phát triển nông nghiệp chất lượng cao gắn với du lịch tại các vị trí có ưu thế cảnh quan tự nhiên về địa hình, tầm nhìn đẹp khu vực dọc sông Đà. Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 14.400 người.

- Xã mới Hua Păng + Phiêng Luông + một phần thị trấn Nông trường Mộc Châu: Phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch văn hóa (bản làng truyền thống), du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, sân golf. Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 7.000 người.

- Xã mới Chiềng Hắc + Muồng Sang + một phần thị trấn Nông trường Mộc Châu: Phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch văn hóa (bản làng truyền thống). Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 11.600 người. Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 11.600 người.

- Xã mới Chiềng Khừa + Muồng Sang: Phát triển nông nghiệp chất lượng cao gắn với du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, gắn với các khu chức năng của Khu kinh tế Cửa khẩu Lóng Sập. Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 4.800 người.

- Xã mới Chiềng Sơn + Đông Sang + Muồng Sang: Xây dựng và phát triển trở thành Trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch phía Nam đô thị gắn với các khu chức năng của Khu kinh tế Cửa khẩu Lóng Sập, các khu vui chơi giải trí, sân golf,... và hệ thống tuyến và ga cáp treo Pha Luông - Chiềng Sơn - Vân Hồ. Dân số đến năm 2040 khoảng 16.400 người.

- Xã Lóng Sập: Xây dựng và phát triển trở thành Trung tâm của Khu kinh tế Cửa khẩu Lóng Sập, phát triển thương mại, du lịch qua cửa khẩu quốc tế Lóng Sập. Dân số đến năm 2040 khoảng 8.100 người.

b) Về định hướng phát triển các khu chức năng

- Khu trung tâm của Khu kinh tế Cửa khẩu Lóng Sập: Thuộc xã Lóng Sập, dọc theo Quốc lộ 43 từ bản Phát đến bản Phiêng Cài:

+ Tính chất, chức năng: Là khu vực cửa khẩu quốc tế, trung tâm kinh tế biên mậu, thương mại, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp với các sản phẩm chất lượng cao của tỉnh; đầu mối giao thông hành lang kinh tế Việt Nam - Lào; điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến quốc lộ 43;

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 500 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 206 ha); dân số tăng thêm khoảng 2.000 người.

- Khu công nghiệp Lóng Sập: Thuộc xã Lóng Sập, dọc theo Quốc lộ 43, tại vị trí gần bản Phát (giáp ranh giới xã Chiềng Sơn):

+ Tính chất, chức năng: Là khu công nghiệp tập trung thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lóng Sập

+ Quy mô: Diện tích khoảng 200 ha.

- Khu trung tâm dịch vụ, du lịch Chiềng Sơn: Xã Chiềng Sơn (dọc theo Quốc lộ 16 mới từ tiểu khu 6 đến bản Co Phương):

+ Tính chất, chức năng: Là trung tâm dịch vụ, du lịch; trung tâm hỗ trợ phát triển cho phân vùng núi cao biên giới của đô thị Mộc Châu và Khu kinh tế Cửa khẩu Lóng Sập; cửa ngõ phía Nam của đô thị Mộc Châu theo tuyến Quốc lộ 16 mới.

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 1.200 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 1.000 ha); dân số tăng thêm khoảng 6.000 người.

- Khu trung tâm hậu cần Logistic và chế biến nông sản Tân Lập: Thuộc phạm vi xã Tân Lập (đọc theo đường cao tốc từ bản Tà Phình đến tiểu khu 12):

+ Tính chất, chức năng: Là trung tâm hậu cần Logistic, chế biến nông sản của đô thị Mộc Châu; trung tâm phân vùng vành đai nông nghiệp của đô thị Mộc Châu; trung tâm dịch vụ du lịch gắn với sân bay chuyên dùng Mộc Châu.

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 2.000 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 800 ha); dân số tăng thêm khoảng 6.000 người.

- Tổ hợp du lịch, vui chơi giải trí Nam Chiềng Hắc: Thuộc phạm vi xã Chiềng Hắc:

+ Tính chất, chức năng: Tổ hợp du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, dịch vụ du lịch.

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 255 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 60 ha).

- Trung tâm dịch vụ, du lịch Đông Chiềng Hắc: Thuộc phạm vi xã Chiềng Hắc (từ bản Hin Phá đến bản Tà Sỏ):

+ Tính chất, chức năng: Cụm các công trình dịch vụ phục vụ du lịch, khai thác du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng (bản Tà Sỏ, bản Hin Phá).

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 2.180 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 600 ha); dân số tăng thêm khoảng 2.000 người.

- Tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng Hua Păng: Thuộc phạm vi xã Hua Păng (khu vực xung quanh bản Nà Sải):

+ Tính chất, chức năng: Tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng gắn với sân golf.

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 1.250 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 300 ha); dân số tăng thêm khoảng 1.000 người.

- Trung tâm dịch vụ, du lịch ven sông Đà: Thuộc phạm vi xã Tân Hợp:

+ Tính chất, chức năng: Cụm các công trình dịch vụ phục vụ du lịch, khai thác du lịch ven sông Đà (từ bản Nà Mí đến bản Bến Trai).

+ Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 4.000 ha (nghiên cứu xây dựng khoảng 500 ha); dân số tăng thêm khoảng 1.000 người.

5. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:

5.1. Định hướng phát triển du lịch

Hình thành các khu, tuyến, điểm du lịch trong đô thị Mộc Châu, như: Trung tâm du lịch trọng điểm của Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, các điểm du lịch lịch sử, văn hóa tại đô thị Mộc Châu, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại vùng chè, thảo nguyên Mộc Châu,..., gắn với các tuyến du lịch đến các địa điểm thăm quan nổi tiếng trong khu vực như: Thác Dải Yếm, rừng thông Bản Áng, Ngũ động Bản Ôn, cầu kính Mộc Châu,... Phát triển Homestay, farmstay, bãi cắm trại du lịch và các sản phẩm du lịch mới, sản phẩm du lịch đặc thù và xây dựng thương hiệu Khu du lịch Mộc Châu.

5.2. Định hướng phát triển nông nghiệp

- Xây dựng Mộc Châu trở thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá nông sản chất lượng cao (sữa, chè, hoa, quả, rau); đổi mới tổ chức không gian sản xuất; phát triển vùng nguyên liệu thâm canh và khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế; xây dựng thương hiệu sản phẩm và chỉ dẫn địa lý đối với nông sản Mộc Châu.

- Phát triển nông nghiệp gắn với hình thành các hành lang xanh, hành lang thoát lũ bảo vệ môi trường đô thị Mộc Châu; xác định quỹ đất sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, sử dụng hiệu quả, hợp lý, phát triển mô hình nông nghiệp chất lượng cao, nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh tế gắn với phát triển du lịch.

5.3. Định hướng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập

Phát triển thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Thương mại - dịch vụ - du lịch - công nghiệp và nông lâm ngư nghiệp. Trong đó, trọng tâm là thương mại - dịch vụ, Logistics. Không gian phát triển Khu kinh tế cửa khẩu lấy xã Lóng Sập làm trung tâm, phát triển theo 2 hướng chính:

- Phía Bắc: Dọc theo QL.43, đoạn từ trung tâm xã Lóng Sập hướng đi đến Thị trấn Mộc Châu; phát triển các khu dân cư gắn với sản xuất nông nghiệp, cảnh quan khu cửa khẩu; khu công nghiệp Lóng Sập.

- Phía Tây Nam: Dọc theo QL.43, đoạn từ trung tâm xã Lóng Sập hướng đi tới Cửa khẩu Lóng Sập, hình thành các cơ sở hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu như: Logistics, khu kho bãi, khu thuế quan,...; phát triển thương mại du lịch.

5.4. Định hướng phát triển thương mại, dịch vụ

Ưu tiên phát triển hệ thống phân phối hiện đại gồm các trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp, tài chính ngân hàng, siêu thị, trung tâm vận chuyển, giao nhận hàng hóa (trung tâm hậu cần Logistic) chợ đầu mối gắn với đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La, sân bay chuyên dùng Mộc Châu. Đầu tư phát triển hệ thống chợ đáp ứng đủ nhu cầu của người dân.

5.5. Định hướng phát triển cụm công nghiệp

- Cụm công nghiệp Mộc Châu tại tiểu khu Bó Bun: Trong ngắn hạn đến năm 2030 để đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh, Nghị quyết đại hội lần thứ XV

của Đảng bộ tỉnh, duy trì và thu gọn giảm quy mô diện tích cụm công nghiệp đảm bảo trên 5,0 ha theo quy định, không cấp bổ sung diện tích trong cụm công nghiệp, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh không hiệu quả và chuyển thành đất hỗn hợp phục vụ phát triển đô thị, dịch vụ, hoàn thiện tuyến đường nội bộ cụm công nghiệp theo quy hoạch. Các doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất được bố trí tại cụm công nghiệp theo quy hoạch tại tiểu khu 9, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu (quy mô diện tích khoảng 145 ha, gồm 02 cụm Mộc Châu 1 và Mộc Châu 2).

- Cụm công nghiệp Mộc Châu 3, diện tích khoảng 70 ha, vị trí quy hoạch tại xã Phiêng Luông, khu vực tiếp giáp đường cao tốc Hoà Bình - Sơn La - Mộc Châu.

5.6. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm hành chính - chính trị

- Trung tâm hành chính - chính trị của huyện Mộc Châu được quy hoạch giữ nguyên tại vị trí hiện nay, phù hợp với các quy hoạch cấp trên, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tiếp tục được cải tạo, nâng cấp, xứng tầm vị thế của trung tâm chính trị - hành chính của thị xã Mộc Châu.

- Cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới UBND các phường, xã của thị xã Mộc Châu trong tương lai.

5.7. Định hướng phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo

- Giáo dục phổ thông được bố trí theo dạng tầng bậc tại các khu ở, đơn vị ở phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Cải tạo nâng cấp hệ thống trường lớp hiện có; hệ thống trường lớp xây mới sẽ được xác định vị trí, quy mô cụ thể trong các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Đối với hệ thống trường phổ thông trung học: Ngoài các trường hiện có; bổ sung xây mới 04 trường để đáp ứng quy mô dân số đô thị Mộc Châu trong tương lai, tại các vị trí: Bản Muống, Tiểu khu Chờ Lồng, Tiểu khu 14, Trung tâm xã Nà Mường (bản Đoàn Kết).

- Đào tạo, dạy nghề: Thu hút đầu tư xây dựng tại khu vực nội thị, ưu tiên tại các phường mới.

- Đại học, cao đẳng: Xây dựng và phát triển cơ sở 2 Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc Đại học Tây Bắc, tại xã Đông Sang.

5.8. Định hướng phát triển hệ thống cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe

- Đẩy mạnh thực hiện công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; tuân thủ định hướng của quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Bệnh viện đa khoa Mộc Châu nâng cấp thành bệnh viện đa khoa khu vực hạng I cấp tỉnh, quy mô 500 giường, mở rộng quy mô diện tích; Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên là bệnh viện hạng II cấp huyện, quy mô 320 giường.

- Tại các khu đô thị mới, các trung tâm du lịch: Xây mới cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc, phục hồi sức khỏe phục vụ cho nhu cầu của cư dân và khách du lịch.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng cơ sở y tế cấp xã, bản.

5.9. Định hướng phát triển công trình văn hóa

- Xây dựng khu trung tâm văn hóa cấp đô thị, diện tích khoảng 5,2 ha tại tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, trong đó có: Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, Cung văn hóa lao động, Rạp chiếu phim.

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung đầy đủ hệ thống các nhà văn hóa phường, xã, khu dân cư tại các vị trí phù hợp được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

5.10. Định hướng phát triển công trình thể dục thể thao và cây xanh

- Bảo tồn không gian nông nghiệp của đồng bào dân tộc để duy trì đa dạng cảnh quan, nông nghiệp và quản lý nước mưa; chân đồi cần được bảo tồn cho đất nông nghiệp để làm yếu tố chuyển tiếp về cảnh quan và quản lý thiên tai. Các khu vực trũng dành cho nông nghiệp đô thị; Bảo vệ và cải thiện hành lang xanh dọc các con suối nhằm duy trì sự đa dạng sinh học và đảm bảo thoát lũ cho đô thị. Bảo vệ các khoảng mở cảnh quan, bảo vệ cảnh quan đồng cỏ, đồi chè.

- Xây dựng công viên văn hóa mới tại khu vực tiếp giáp giữa thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu; xây dựng công viên vui chơi, giải trí đô thị Mộc Châu tại khu trung tâm du lịch trọng điểm, thuộc phường 3.

- Xây dựng mới Khu trung tâm thể dục thể thao của đô thị tại khu đô thị mới thuộc phường 4.

- Xây dựng đồng bộ các khu tập luyện thể dục thể thao tại các phường, xã, khu dân cư để đảm bảo nhu cầu của nhân dân.

6. Quy hoạch sử dụng đất

- Đến năm 2030: Diện tích khu đất dân dụng khoảng 1.527 ha, chỉ tiêu đất dân dụng toàn đô thị khoảng 82,54 m²/người; diện tích khu đất ngoài dân dụng khoảng 8.398 ha; diện tích khu đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 97.284 ha.

- Đến năm 2040: Diện tích khu đất dân dụng khoảng 2.330 ha, chỉ tiêu đất dân dụng toàn đô thị khoảng 84,73 m²/người; diện tích khu đất ngoài dân dụng khoảng 12.204 ha; diện tích khu đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 92.675 ha.

7. Thiết kế đô thị

7.1. Định hướng thiết kế đô thị tổng thể

- Xây dựng đô thị Mộc Châu trong tương lai như một điểm đến với những vẻ đẹp phong phú thông qua việc bảo tồn và phát huy tối đa những nét đặc sắc của Mộc Châu về cảnh quan thiên nhiên, nông nghiệp, về khí hậu trong lành, mát mẻ cũng như về truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc.

- Định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại, chỉnh trang kiến trúc đô thị hiện hữu mang bản sắc địa phương.

7.2. Định hướng thiết kế đô thị theo khu chức năng

- Các khu vực đô thị hiện hữu: Cải tạo, tăng mật độ cho cấu trúc đô thị hiện nay, chỉnh trang mỹ quan đô thị, cải tạo và xây mới các không gian công cộng, không gian xanh đô thị, tăng cường các tiện ích đô thị. Đối với một số khu vực phát triển mới hài hòa, ăn nhập với phần đô thị hiện hữu, gìn giữ được các bản sắc riêng.

- Các khu đô thị mới; khu vực trung tâm đô thị: Xây dựng mật độ cao dọc các trục đường chính khu vực và thấp dần về phía cảnh quan thiên nhiên.

- Khu, cụm công nghiệp: Xây dựng đồng bộ, hiện đại, xanh, sạch, đẹp.

- Khu phát triển du lịch: Xây dựng mật độ thấp, theo hướng sinh thái, tôn trọng địa hình hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

- Các làng xóm nhỏ và nông trại nằm trong các không gian sản xuất nông nghiệp kiểm soát phát triển chặt chẽ để tránh làm biến dạng cảnh quan.

7.3. Tổ chức không gian tại các khu vực điểm nhấn

- Khuyến khích xây dựng công trình, tổ hợp công trình có quy mô với chất lượng kiến trúc đẹp, hiện đại. Phản ánh văn hoá và nét đặc thù của đô thị với việc áp dụng các kỹ thuật xây dựng tiên tiến hướng theo mô hình xanh bền vững.

- Các quần thể công trình kiến trúc phải tạo sự đa dạng nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với các không gian xung quanh, phát huy đặc điểm riêng của từng khu vực.

- Phát huy giá trị các góc nhìn toàn cảnh từ trên các khu vực điểm cao.

7.4. Tổ chức không gian cây xanh mặt nước

- Các khu vực tự nhiên bao quanh đô thị và phân bố rải rác trong đô thị bao gồm các dãy núi, quả đồi và các dòng suối cần được bảo vệ nghiêm ngặt này khỏi các tác động của quá trình đô thị hóa cũng như các hoạt động phát triển kinh tế.

- Giữ gìn tối đa mặt nước, sông, suối, kênh, mương hiện hữu.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

8.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Định hướng giao thông đối ngoại

- Đường bộ: Đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La, quy mô 4 làn xe; nâng cấp cải tạo các tuyến QL.6, QL.43, ĐT.101, ĐT.101B, ĐT.102, ĐT.102C và ĐT.104; nâng cấp đường tỉnh ĐT.102 đoạn qua xã Chiềng Sơn trở thành QL.16. Xây dựng mới cầu Vạn Yên.

- Hệ thống đường huyện Hệ thống đường huyện đến năm 2030 đầu tư đạt tối thiểu cấp Vmn, đến năm 2040 đạt tối thiểu cấp IVmn.

- Bến xe đối ngoại: Xây dựng 01 bến xe tại phường 6, cạnh nút giao cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La, đạt quy mô loại 1; 01 bến xe loại II tại thị trấn Nông trường Mộc Châu và các bến xe loại V và loại VI tại trung tâm các xã.

- Đường thủy: Nâng cấp cảng Bản Giăng xã Quy Hương, bến Sao Tua xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu thành cảng chuyên dùng cấp IV.

- Đường hàng không: Xây dựng mới sân bay chuyên dùng Mộc Châu, phục vụ du lịch và tìm kiếm, cứu nạn, quân sự tại khu vực gần nút giao cao tốc, trên địa bàn xã Tân Lập.

b) Định hướng giao thông đô thị

- Thiết lập 02 tuyến giao thông tròn liên kết các khu chức năng đô thị trên cơ sở tận dụng các tuyến đường hiện hữu. Tuyến số 1: Nằm trọn trong không gian lõi khu vực nội thị để kết nối các phân khu đô thị chính, quy mô đạt cấp đường chính đô thị; tuyến số 2 nằm phần lớn tại khu vực ngoại thị để kết nối các khu chức năng về du lịch, nông nghiệp, cửa khẩu với các vùng khác trong tỉnh, Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu cấp IVmn, 02 làn xe.

- Các tuyến giao thông đô thị có lộ giới từ 13,5 - 45 m.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số tuyến đường giao thông tại khu vực ngoại thị, đảm bảo kết nối các trung tâm xã, khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp, khu dịch vụ - du lịch, với các khu chức năng khác của đô thị và của khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

- Nghiên cứu bố trí tuyến cáp treo và ga cáp treo Pha Luông - Chiềng Sơn.

c) Định hướng giao thông công cộng

Xây dựng hệ thống giao thông vận chuyển hành khách công cộng phù hợp với quy mô, tính chất của từng đô thị, từng khu du lịch.

8.2. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác (chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, thoát nước thải và vệ sinh môi trường và công trình hạ tầng kỹ thuật khác): Được nghiên cứu, đề xuất trên cơ sở cập nhật kế thừa các quy hoạch được duyệt, các dự án, đề án trên địa bàn khu vực quy hoạch và các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng.

9. Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường

- Ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh, duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại cụm công nghiệp, khu vực chăn nuôi tập trung và các khu vực khác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, đồi chè, đồng cỏ; bảo tồn và phát huy hệ sinh thái, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước.

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa, bảo vệ kênh, mương, dòng suối hiện hữu.

- Cụm công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO:14000.

- Đầu tư hệ thống, thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

- Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng đợt đầu

10.1. Các dự án do Trung ương đầu tư: Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La; cải tạo, nâng cấp QL.43, QL.6; cầu Vạn Yên trên QL.43.

10.2. Các dự án do tỉnh, huyện đầu tư, quản lý

- Nhóm dự án hạ tầng giao thông: Dự án cải tạo, nâng cấp, xây dựng các tuyến đường tỉnh ĐT.101, ĐT.101B, ĐT.102, ĐT.102C, ĐT. 104; dự án cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây mới các tuyến đường vành đai 1, 2 đô thị Mộc Châu; dự án nâng cấp hệ thống bến xe, trạm dừng nghỉ;

- Nhóm dự án hạ tầng xã hội: Dự án khu liên hợp thể thao huyện Mộc Châu; dự án bệnh viện đa khoa khu vực Mộc Châu; dự án đầu tư xây dựng cụm công trình văn hóa đô thị Mộc Châu; các dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa;

- Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật khác: Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi (hồ Tà Phình 1 + 2, hồ Chiềng Đi, hồ Km 67), kè bờ sông suối và các khu vực sạt lở; hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

10.3. Các dự án thu hút đầu tư

- Nhóm dự án hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư tại khu vực nội thị làm tiền đề nâng lên loại IV cho đô thị Mộc Châu: Khu dân cư dịch vụ du lịch Đồi Chè; khu dân cư phố núi và biệt thự sinh thái; khu biệt thự và sân golf public; khu dân cư dịch vụ cửa ngõ; khu dân cư dịch vụ du lịch; khu dân cư lân cận trung tâm

du lịch trọng điểm; khu dân cư dọc suối Ang; khu dân cư sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Phiêng Luông; khu dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu;...

- Nhóm dự án cơ sở hạ tầng du lịch: Hạ tầng dịch vụ du lịch đỉnh Pha Luông; hạ tầng trung tâm du lịch trọng điểm; hoàn thiện đầu tư khu du lịch Rừng thông Bản Áng; hoàn thiện đầu tư các khu du lịch, các khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sân golf, khách sạn, resort, farmstay, bãi cắm trại,...; sân bay chuyên dùng Mộc Châu;

- Nhóm dự án về môi trường: Nhà máy xử lý rác thải; nhà máy tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại; công viên nghĩa trang,...

- Nhóm hạ tầng phục vụ sản xuất và kinh doanh: Nhà máy chế biến chè công nghệ cao; chợ đầu mối nông sản; Trung tâm Logistics; trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng.

- Nhóm dự án khác: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo tư nhân; đầu tư xây dựng, khai thác các bến xe khách, xe buýt,...

11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả, quy trình thẩm định, tính chuẩn xác của các thông tin số liệu trình phê duyệt quy hoạch theo quy định;

- Phối hợp với UBND huyện Mộc Châu trong việc rà soát, đánh giá các đồ án quy hoạch phân khu đô thị, phân khu chức năng đã phê duyệt; báo cáo UBND tỉnh những bất cập, trùng chéo với quy hoạch chung được duyệt;

- Tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu chức năng theo thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định;

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện Mộc Châu trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, quản lý kiến trúc đô thị và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

2. UBND huyện Mộc Châu

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch;

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, chuyển giao cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định; Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch GIS trên trang điện tử của tỉnh; Tổ chức công bố, công khai và cắm mốc giới, biển pa nô công bố đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định;

- Tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Quản lý kiến trúc đô thị, tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng các quy định hiện hành;

- Thực hiện rà soát nội dung quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040 sau khi quy hoạch chung khu du lịch quốc gia được phê duyệt điều chỉnh đảm bảo nguyên tắc quy hoạch cấp dưới phù hợp với quy hoạch cấp trên; Tổ chức rà soát các quy hoạch phân khu đô thị, phân khu chức năng hiện có trên địa bàn, đảm bảo nguyên tắc kế thừa, tránh lãng phí nguồn lực lập quy hoạch;

- Triển khai quy trình tổ chức lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực dự kiến là nội thị được xác định trong quy hoạch chung theo quy định;

- Đối với các đồ án quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng đã được UBND huyện phê duyệt: Tổ chức rà soát đánh giá tổng thể sự phù hợp với quy hoạch cấp trên làm cơ sở quyết định tiếp tục thực hiện hoặc điều chỉnh hoặc hủy bỏ theo thẩm quyền làm cơ sở quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng đồng bộ, thống nhất.

3. Các sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Ngoại vụ, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- TT Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 331/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đính chính Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND
ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh
giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 31/TTr-STC ngày 02 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính căn cứ pháp lý tại Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

- Nội dung phần căn cứ pháp lý tại Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La có ghi: “Căn cứ Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La”

- Nội dung đề nghị đính chính: Bỏ căn cứ tại phần căn cứ pháp lý: “Căn cứ Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh (p/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ,TH);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Đức Anh).

(B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 02 năm 2024

CHỈ THỊ

Về việc đôn đốc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024

Để chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ Nhân dân đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, các cấp, các ngành, lực lượng chức năng đã triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Bí thư, Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; triển khai đầy đủ, kịp thời, có đổi mới trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chú trọng các hoạt động tri ân, nghĩa tình đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Hàng hóa trong dịp Tết dồi dào, bảo đảm chất lượng và giá cả ổn định, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được thực hiện tốt. Giao thông vận tải cơ bản thông suốt, xử lý nghiêm các vi phạm về trật tự, an toàn giao thông. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các hoạt động văn hóa, lễ hội diễn ra sôi động, được quản lý và tổ chức đúng quy định, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm nếp sống văn minh, nhất là đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Nhân dân trong tỉnh đã đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 trong không khí vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, nghĩa tình; mọi người, mọi nhà đều có điều kiện vui xuân, đón Tết.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ghi nhận, đánh giá cao và biểu dương các cấp, các ngành, lực lượng chức năng đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ trong dịp Tết, đặc biệt là các bác sỹ, cán bộ và nhân viên y tế trực cấp cứu, điều trị, chăm sóc người bệnh; các cán bộ, chiến sỹ không quản ngại khó khăn, ngày đêm canh giữ, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân; công nhân vệ sinh môi trường, người lao động trực, làm việc trong dịp Tết...

Thời gian tới, dự báo tình hình còn nhiều khó khăn, thách thức, tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; gây áp lực lớn đối với công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những tháng đầu năm 2024. Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2024 và Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ

trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán Giáp Thìn 2024. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung ngay vào xử lý công việc sau kỳ nghỉ Tết

Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, tập thể, cá nhân liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn phải tập trung ngay vào xử lý công việc, không để chậm trễ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội, nhất là đối với các công việc bị tồn đọng do nghỉ Tết; tiếp tục thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Kết luận số 1012-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh, các Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh, nhất là Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2023 về giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024, Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2024 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024, và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 Triển khai thực hiện Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chú trọng đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, sinh kế cho người dân, thực hiện hiệu quả công tác an sinh xã hội bảo đảm toàn diện, bao trùm, bền vững.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao rà soát, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo từng tháng, quý để tập trung chỉ đạo, điều hành, có phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả, giải quyết tháo gỡ dứt điểm gắn với tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nhất là đối với những nội dung, vấn đề còn vướng mắc, phức tạp, tồn đọng kéo dài, những vấn đề phát sinh...

Tiếp tục theo dõi sát tình hình trong nước, khu vực, nhất là những vấn đề mới phát sinh để kịp thời tham mưu các giải pháp trọng tâm nhằm giữ vững ổn định kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng. Chủ động theo dõi sát diễn biến để kịp thời có các giải pháp cân đối cung cầu, ổn định giá cả thị trường thời điểm sau Tết Nguyên đán, nhất là các mặt hàng, dịch vụ có nhu cầu tăng cao như ăn uống, vận tải, du lịch tại các điểm vui chơi, thăm quan, lễ hội...

2. Tập trung rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho phát triển, đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ những ngày đầu năm

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tập trung rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực cho phát triển đất nước. Nghiên cứu, tổ chức thực hiện các Luật, Nghị quyết đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5 của Quốc hội; đồng thời tập trung xây dựng, bảo đảm tiến độ, chất lượng các báo cáo, đề án thuộc Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm 2024; coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm để tạo ra động lực "tăng tốc" cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm chất lượng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Rà soát, khẩn trương phân bổ chi tiết 100% vốn đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2024 đã được giao, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật đầu tư công và các nghị quyết của cấp có thẩm quyền.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai đồng bộ các giải pháp, chỉ đạo quyết liệt việc đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện thủ tục đầu tư, tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án ngay từ đầu năm, nhất là các công trình quan trọng có ý tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, lựa chọn nhà thầu để sớm khởi công các dự án. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình giải ngân theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, kịp thời xử lý theo thẩm quyền và báo cáo đề xuất các khó khăn, vướng mắc với các cấp có thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Quyết liệt tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết liệt tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực; thực hiện thực chất cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định kinh doanh. Tập trung đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) theo Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh.

Căn cứ quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, rà soát, đẩy nhanh tiến độ lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định; khẩn trương hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo kịp thời, khả thi, thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định của

pháp luật đất đai, pháp luật quy hoạch; tổ chức kiểm kê đất đai năm 2024 theo quy định pháp luật.

Rà soát, kịp thời khen thưởng hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng phù hợp để ghi nhận, động viên các tổ chức, cá nhân, lực lượng chức năng có thành tích nổi bật, xuất sắc và tinh thần phục vụ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn.

4. Về dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục bám sát Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ để sớm có quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La làm cơ sở hoàn thiện thủ tục đầu tư (*đảm bảo hoàn thành trong tháng 02 năm 2024*) để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm thực hiện dự án.

Thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình- Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La chỉ đạo rà soát, bổ sung nhân lực (*nếu cần để đảm bảo năng lực hoạt động của cơ quan, tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng*); chỉ đạo quyết liệt công tác chuẩn bị cho giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư và các mô vật liệu phục vụ thi công dự án.

5. Điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2024

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đổi tiến độ, đôn đốc, thúc đẩy việc thực hiện giải ngân của các cơ quan, đơn vị, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các giải pháp toàn diện, kịp thời để điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2024. Trên cơ sở đề xuất của sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, rà soát, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trong tháng 02 năm 2024 việc kéo dài thời gian bố trí vốn cho các dự án đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm theo đúng quy định.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu, quản lý, điều hành tài chính- ngân sách hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2024; quản lý chặt chẽ các nguồn thu; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên, các khoản chi không thật sự cấp bách theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ, Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh.

Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành cho các chủ đầu tư, đẩy mạnh thanh toán qua dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước; công khai, minh bạch trong quá trình xử lý hồ sơ, bảo đảm giao dịch thông suốt, liên tục, không để tồn đọng hồ sơ thanh toán mà không rõ lý do và phát sinh chi phí cho chủ đầu tư.

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, hạn chế "tín dụng đen"

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hoà với chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác góp phần ổn định kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng. Điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế và đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế. Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát, đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn, tài sản bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, hạ lãi suất cho vay, bảo đảm hoạt động cho vay an toàn, hiệu quả, góp phần hạn chế "tín dụng đen".

7. Đấu tranh phòng, chống gian lận thương mại

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các huyện, thành phố tập trung thúc đẩy, đưa vào vận hành các dự án sản xuất công nghiệp, phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng; theo dõi chặt chẽ nguồn cung, nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gây bất ổn thị trường; theo dõi sát tình hình xuất nhập, khẩu hàng hóa, kịp thời có các giải pháp xử lý phù hợp.

Chi cục Quản lý thị trường tỉnh chủ trì phối hợp với các ngành chức năng, các huyện, thành phố tăng cường đấu tranh phòng, chống gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, xử lý nghiêm theo quy định.

8. Hướng dẫn các địa phương có phương án sản xuất kinh doanh nông sản phù hợp

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết để kịp thời cảnh báo, chỉ đạo, hướng dẫn phương án sản xuất kinh doanh nông sản phù hợp, bảo đảm nước tưới, vật tư, nguyên liệu đầu vào; hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ lúa Đông Xuân.

Thường xuyên, chủ động chỉ đạo công tác quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Tích cực hỗ trợ các địa phương kết nối, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Phối hợp với Sở Công thương chỉ đạo các huyện, thành phố, các chủ hồ thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa, bảo đảm khai thác tối ưu, hiệu quả nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt, chủ động dự trữ nước cho các tháng cao điểm mùa khô.

9. Bố trí đủ phương tiện phục vụ nhu cầu đi lại sau Tết của nhân dân

Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố chỉ đạo bảo đảm bố trí đủ phương tiện phục vụ cho nhu cầu đi lại sau Tết của nhân dân; nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách; tuyệt đối không để hành khách không có phương tiện trở lại nơi làm việc, học tập.

Triển khai có hiệu quả các giải pháp kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông; yêu cầu các đơn vị vận tải tuân thủ quy tắc giao thông, phòng ngừa tai nạn trên đường đèo dốc, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là nguyên nhân gây tai nạn giao thông.

Triển khai kế hoạch bảo trì, sửa chữa, cải tạo an toàn giao thông của mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông; rà soát, xử lý các điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông.

Phối hợp chặt chẽ để đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, sớm khởi công dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

10. Tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật, lễ hội bảo đảm an toàn, văn minh

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố tích cực, chủ động chỉ đạo tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khai hội lễ truyền thống, dân gian ngay sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn, bảo đảm an toàn, văn minh, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 10/CĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2024, nhất là vi phạm về thu, quản lý tiền công đức và đốt vàng mã (nếu có). Tăng cường công tác quản lý điểm đến, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho khách du lịch và người dân. Yêu cầu các cơ sở lưu trú, kinh doanh ăn uống phục vụ khách du lịch tuyên truyền, vận động du khách thực hiện nghiêm "đã uống rượu, bia không lái xe".

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố tập trung triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, nhất là dịch bệnh lây truyền qua đường hô hấp, dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, mới nổi. Chỉ đạo các cơ sở y tế chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch bảo đảm đủ thuốc, vật tư, thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch và khám, chữa bệnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, nắm bắt kịp thời tình hình lao động, việc làm sau kỳ nghỉ Tết tại các doanh nghiệp, nhất là tại khu, cụm công nghiệp để có giải pháp thu hút lao động quay trở lại làm việc, hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu lao động cục bộ, đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục và đào tạo tập trung thực hiện tốt kế

hoạch năm học 2023 - 2024; vận động các gia đình ở vùng sâu, vùng xa đưa con em trở lại các cơ sở giáo dục và đào tạo sau kỳ nghỉ Tết.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, các huyện, thành phố hướng dẫn và chỉ đạo kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các lễ hội, địa điểm du lịch.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan, các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội, bảo đảm các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong các Lễ hội xuân 2024 theo đúng quy định của pháp luật, văn minh, an toàn, lành mạnh, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phát động phong trào thi đua "Xóa nhà tạm, nhà dột nát" từ nay đến năm 2025; chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu Kế hoạch phát động Phong trào thi đua "Cả nước chung sức phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" giai đoạn 2023 - 2030. Phối hợp với UBND cấp huyện triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã năm 2024, bảo đảm tiến độ và mục tiêu. Phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố hoàn thành việc xây dựng đề án vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức.

11. Ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm có xu hướng lợi dụng lễ hội gia tăng hoạt động trong dịp đầu xuân

Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, các huyện, thành phố đẩy mạnh thực hiện các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm có xu hướng lợi dụng lễ hội gia tăng hoạt động trong dịp đầu xuân, như tội phạm liên quan đến "tín dụng đen", cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, đánh bạc, tổ chức đánh bạc, chống người thi hành công vụ, tội phạm xâm phạm sở hữu.

Làm tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, trọng tâm là bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phối hợp chặt chẽ với ngành giao thông vận tải có phương án phân luồng, điều tiết, hạn chế tình trạng ùn tắc giao thông tại các trung tâm đô thị, các tuyến giao thông trọng điểm; xử lý nghiêm các vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông, nhất là vi phạm về nồng độ cồn. Chủ động triển khai các phương án phòng chống cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ tại các địa điểm tổ chức các lễ hội, nơi tập trung đông người.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các huyện, thành phố theo dõi, quản lý chặt chẽ các tuyến biên giới, tăng cường tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm về xuất, nhập cảnh.

Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các huyện, thành phố tăng cường nắm bắt tình hình đời sống, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sau Tết Nguyên đán, kịp thời tham mưu đề xuất hỗ trợ hộ

nghèo, khó khăn, hộ gia đình vùng bị thiên tai, trong những tháng giáp hạt sau Tết để ổn định đời sống, không để xảy ra thiếu đói.

12. **Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong lao động, sản xuất**

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan, các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở tập trung đẩy mạnh ngay từ đầu năm công tác thông tin, tuyên truyền, tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong lao động, sản xuất, công tác và học tập; động viên người dân và doanh nghiệp cùng chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; đấu tranh có hiệu quả, phản bác các thông tin xấu độc, sai sự thật trên không gian mạng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, xử lý nghiêm các vi phạm. Xây dựng kế hoạch đầy nhanh hơn nữa quá trình chuyển đổi số.

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền từng tháng, từng quý về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; không khí ra quân thực hiện nhiệm vụ đầu năm mới của tỉnh và các huyện, thành phố; chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật; góp phần tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin trong nhân dân. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền quảng bá hình ảnh dân tộc, vẻ đẹp truyền thống, giá trị nhân văn của Việt Nam, tuyên truyền, phổ biến các mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình để khơi dậy khí thế, niềm tự hào dân tộc, truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tăng cường các bản tin về vấn đề an toàn giao thông, công tác phòng, chống dịch bệnh, các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

13. **Cán bộ, công chức, viên chức tuyệt đối không đi lễ hội trong giờ hành chính**

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan, tổ chức liên quan khẩn trương giải quyết, xử lý công việc ngay từ ngày làm việc đầu tiên, đặc biệt là những công việc tồn đọng, chậm tiến độ do nghỉ Tết; thực hiện nghiêm kỷ cương hành chính, kỷ luật lao động, không tổ chức du xuân, chúc Tết làm ảnh hưởng đến thời gian, hiệu quả công việc. Tuyệt đối không đi lễ hội trong giờ hành chính; không sử dụng ngân sách nhà nước, phương tiện, tài sản công trái quy định cho hoạt động lễ hội, vui chơi...; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố không tham dự lễ hội nếu không được cấp có thẩm quyền phân công.

14. **Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động toàn dân, đoàn viên, hội viên chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ năm 2024; các**

hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp, các doanh nhân và toàn thể nhân dân tranh thủ thời cơ, khí thế mới, khắc phục khó khăn, thách thức, tổ chức lao động sản xuất, đầu tư, kinh doanh có hiệu quả. Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước các cấp luôn cùng đồng hành với doanh nghiệp, người dân, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi chính sách, pháp luật..

15. Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo lĩnh vực được phân công, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chủ động, tích cực nắm tình hình, kịp thời có các biện pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp, hiệu quả theo chủ đề hành động năm 2024 của Chính phủ “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững*”, phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện, đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm 2024.

16. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đề án trong Chương trình công tác của HĐND, UBND tỉnh năm 2024. Chủ động đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, nhất là những nhiệm vụ liên quan đến những vấn đề quan trọng, cấp bách, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những vướng mắc phát sinh, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h);
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải).

(b/c)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com